



ECOVIS[®]
AFA VIETNAM

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM
ECOVIS AFA VIETNAM AUDITING - APPRAISAL AND CONSULTING CO., LTD

142 Xo Viet Nghe Tinh St., Hoa Cuong Nam Ward, Hai Chau Dist., Danang City, Vietnam
Tel: +84 236 363 3333 | Fax: +84 236 363 3338 | Email: info@ecovis.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

Địa chỉ: 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản Thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 35



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

Địa chỉ: 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc trong năm và tại ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Thành Trung	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 21/04/2023)
Ông Trần Hữu Hạnh	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 21/04/2023)
Ông Nguyễn Tấn Dũng	Thành viên
Ông Trương Tùng Hưng	Thành viên
Ông Đỗ Trung Chuyên	Thành viên
Ông Quách Tấn Hải	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 21/04/2023)

Ban kiểm soát

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Võ Quốc Việt	Trưởng ban
Bà Huỳnh Văn Đặng Thị Lệ Hoa	Thành viên
Bà Trần Thị Nguyệt Phụng	Thành viên

Tổng Giám đốc

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trương Tùng Hưng	Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật trong năm và tại ngày lập báo cáo này của Công ty là ông Trương Tùng Hưng, Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trong yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

Địa chỉ: 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (Trụ sở chính: Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; Điện thoại: (84) 0236 363.3333; Fax: (84) 0236 363.3338; Website: www.ecovis.com/vietnam/audit).

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, ngoại trừ các vấn đề được nêu trong báo cáo kiểm toán kèm theo, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CAM KẾT CỦA CÁC CHỦ SỞ HỮU

Công ty có khoản lỗ tích lũy đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 vượt vốn chủ sở hữu số tiền là 81.194.135.452 VND và nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền là 89.545.676.031 VND. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc hoạt động kinh doanh có lãi và việc tiếp tục tài trợ của các chủ đầu tư trong tương lai. Vào ngày lập báo cáo này không có lý do nào để Tổng Giám đốc Công ty tin rằng các chủ đầu tư sẽ không tiếp tục tài trợ để Công ty có thể hoạt động liên tục trong tương lai. Do vậy, các báo cáo tài chính đính kèm vẫn được soạn thảo trên cơ sở giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.



Trương Tùng Hưng
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 03 năm 2024

Số. 46/2024/BCKT-E.AFA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 13 tháng 03 năm 2024 từ trang 5 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Như trình bày tại Thuyết minh 4.9, quyền sử dụng đất tại Trà Vinh trị giá 865.000.000 VND, Công ty đang ghi nhận là Tài sản cố định vô hình nhưng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại mang tên cá nhân là chưa phù hợp với quy định hiện hành.
2. Như trình bày tại Thuyết minh 4.10, tổng giá trị các khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày 31/12/2023 là 12.801.833.320 VND, Công ty đã trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư này là 7.912.582.707 VND. Tuy nhiên, cho đến thời điểm này kiểm toán viên chưa nhận được báo cáo tài chính năm 2023 của các đơn vị nhận đầu tư và các đơn vị này cũng chưa giao dịch trên các sàn giao dịch chứng khoán. Do đó, kiểm toán viên không có cơ sở xem xét số dự phòng các khoản đầu tư dài hạn nêu trên cần hoàn nhập hay trích lập bổ sung.
3. Một số khoản nợ phải trả người bán số tiền 3.019.308.743 VND chưa nhận được phản hồi đối chiếu, xác nhận tại ngày 31/12/2023. Bằng các thủ tục kiểm toán và dựa trên các thông tin thu thập được chúng tôi không thể đánh giá được liệu các khoản công nợ phải trả nêu trên có hiện hữu, đầy đủ không và liệu có phải điều chỉnh gì liên quan đến giá trị khoản mục trên hay các khoản mục khác được trình bày trên báo cáo tài chính hay không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Thuyết minh 2.5 trong Báo cáo tài chính về khoản lỗ tích lũy đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 vượt vốn chủ sở hữu số tiền là 81.194.135.452 VND và nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền là 89.545.676.031 VND. Đồng thời, theo Thuyết minh 4.14, Công ty có các khoản nợ gốc và lãi vay đã quá hạn lần lượt là 16.400.000.000 VND và 58.394.722.400 VND nhưng chưa thực hiện gia hạn với ngân hàng. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.



Trần Thị Như Phương

Giám đốc kiểm toán

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2293-2023-240-1

Lê Văn Hoàng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 5399-2021-240-1

Người được ủy quyền

Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 03 năm 2024

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

Địa chỉ: 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01 – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		5.425.625.882	7.286.640.072
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	1.568.022.311	244.216.366
1. Tiền	111		1.568.022.311	244.216.366
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.10	-	300.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	300.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.004.094.353	894.921.358
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	102.611.668.668	101.577.988.471
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	33.750.000	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	19.086.420.591	19.090.713.093
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(119.727.744.906)	(119.773.780.206)
IV. Hàng tồn kho	140	4.6	1.824.145.582	5.833.307.648
1. Hàng tồn kho	141		4.942.537.517	8.951.699.583
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.118.391.935)	(3.118.391.935)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		29.363.636	14.194.700
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.7	29.363.636	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.13	-	14.194.700
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.875.640.579	9.594.740.329
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		9.000.000	9.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	4.4	9.000.000	9.000.000
II. Tài sản cố định	220		3.824.163.388	4.471.329.665
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	2.959.163.388	3.606.329.665
Nguyên giá	222		48.477.498.284	48.477.498.284
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(45.518.334.896)	(44.871.168.619)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	865.000.000	865.000.000
Nguyên giá	228		865.000.000	865.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.10	4.889.250.613	4.889.250.613
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		12.801.833.320	12.801.833.320
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(7.912.582.707)	(7.912.582.707)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		153.226.578	225.160.051
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.7	153.226.578	225.160.051
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		14.301.266.461	16.881.380.401

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

Địa chỉ: 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01 – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		95.495.401.913	107.003.585.630
I. Nợ ngắn hạn	310		94.971.301.913	106.479.485.630
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	3.455.751.874	4.315.491.693
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.12	714.225.199	1.998.752.853
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	1.284.284.990	391.980.961
4. Phải trả người lao động	314		374.658.000	295.241.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.15	72.742.381.850	78.278.019.123
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.14	16.400.000.000	21.200.000.000
II. Nợ dài hạn	330		524.100.000	524.100.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	4.15	524.100.000	524.100.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(81.194.135.452)	(90.122.205.229)
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.16	(81.194.135.452)	(90.122.205.229)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		42.000.000.000	42.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		42.000.000.000	42.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		559.410.000	559.410.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(1.353.000.000)	(1.353.000.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.162.286.263	4.162.286.263
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(126.562.831.715)	(135.490.901.492)
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		(135.490.901.492)	(140.720.232.682)
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.928.069.777	5.229.331.190
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		14.301.266.461	16.881.380.401



Trương Tùng Hưng
 Tổng Giám đốc
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 03 năm 2024

Vũ Văn Công
 Kế toán trưởng

Vũ Văn Công
 Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

Địa chỉ: 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	27.054.111.253	24.261.173.676
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		27.054.111.253	24.261.173.676
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	15.716.041.621	11.894.530.750
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.338.069.632	12.366.642.926
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	22.289.500	22.248.497
7. Chi phí tài chính	22	5.4	1.484.646.832	1.956.943.990
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		1.484.646.832	1.956.943.990
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	2.676.850.574	2.582.740.461
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	3.074.542.846	3.010.979.395
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.124.318.880	4.838.227.577
11. Thu nhập khác	31	5.7	5.505.688.028	463.918.977
12. Chi phí khác	32	5.8	3.460.803	72.815.364
13. Lợi nhuận khác	40		5.502.227.225	391.103.613
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.626.546.105	5.229.331.190
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	698.476.328	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.928.069.777	5.229.331.190
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.16.5	2.196	1.287
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.16.6	2.196	1.287



Trương Tùng Hưng
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 03 năm 2024

Vũ Văn Công
Kế toán trưởng

Vũ Văn Công
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

Địa chỉ: 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		24 946 649 570	25 030 463 905
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(7 509 274 791)	(9 387 008 649)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(6 099 314 717)	(5 656 743 645)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(1 100 000 000)	-
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2 407 314 813	2 311 767 637
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(6 843 858 430)	(6 554 962 739)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5.801.516.445	5.743.516.509
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3 300 000 000)	(300 000 000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		3 600 000 000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		22 289 500	22 248 497
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		322.289.500	(277.751.503)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	*	-	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6 1	(4 800 000 000)	(6 253 400 000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(4.800.000.000)	(6.253.400.000)
LƯU CHUYỂN THUẬN TRONG NĂM	50		1.323.805.945	(787.634.994)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		244 216 366	1 031 851 360
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70		1.568.022.311	244.216.366



Trương Tùng Hưng
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 03 năm 2024

Vũ Văn Công
Kế toán trưởng

Vũ Văn Công
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

Địa chỉ: 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản tiền thân là Công ty Công nghiệp Thủy sản là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Hải sản Biển Đông (nay là Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam Công ty Cổ phần – Seaprodex), được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 862/QĐ-BTS ngày 27 tháng 10 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302166033 ngày 12 tháng 02 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 9 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần gần nhất vào ngày 12/07/2018.

Ngày 17 tháng 09 năm 2010, Công ty chính thức được giao dịch chứng khoán tại thị trường Upcom theo Thông báo của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, mã chứng khoán là SCO

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 42.000.000.000 VND

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 39 (31/12/2022: 39)

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Đóng tàu và cấu kiện nổi, chi tiết đóng mới, sửa chữa tàu vỏ gỗ, sắt, vật liệu composite;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Kinh doanh kho hàng, bến bãi;
- Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp, chi tiết: Sản xuất động cơ nổ, động cơ thủy, máy phát điện, máy bơm nước, máy cắt cỏ, máy nông ngư cơ và phụ tùng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp, chi tiết: Bán buôn động cơ nổ, động cơ thủy, máy phát điện, máy bơm nước, máy cắt cỏ, máy nông ngư cơ và phụ tùng;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị, chi tiết: Sửa chữa, bảo trì động cơ nổ, động cơ thủy, máy phát điện, máy bơm nước, máy cắt cỏ, máy nông ngư cơ và phụ tùng;
- Sản xuất máy chuyên dụng khác, chi tiết: Công nghiệp chế tạo máy móc thiết bị thủy sản;
- Sản xuất khác chưa phân vào đâu, chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ composite;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy, chi tiết: Kinh doanh dịch vụ cầu cảng, Kinh doanh vận tải (thủy);
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, chi tiết: Lắp ráp trị động cơ nổ, động cơ thủy, máy phát điện, máy bơm nước, máy cắt cỏ, máy nông ngư cơ và phụ tùng;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại, chi tiết: bán buôn sắt, thép, kim loại khác

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

2.5. Giá định hoạt động liên tục

Công ty có khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 vượt quá vốn chủ sở hữu số tiền là 81.194.135.452 VND và có nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 89.545.676.031 VND. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào các hoạt động có lãi trong tương lai và việc tiếp tục tài trợ của các chủ đầu tư. Vào ngày phát hành báo cáo tài chính năm 2023 không có lý do gì để Tổng Giám đốc Công ty tin rằng các chủ đầu tư sẽ không tiếp tục tài trợ cho hoạt động của Công ty trong tương lai. Do vậy, các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Công ty tiếp tục hoạt động liên tục.

Công ty có các khoản nợ gốc và lãi vay đã quá hạn lần lượt là 16.400.000.000 VND và 58.394.722.400 VND nhưng chưa thực hiện gia hạn với ngân hàng. Tuy nhiên mỗi năm Công ty đều trả dần một phần gốc vay và lãi vay cho ngân hàng. Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng với kế hoạch hoạt động kinh doanh đang dần ổn định và có lãi như hiện nay, Công ty sẽ sớm trả hết nợ gốc và lãi vay quá hạn, cũng như sẽ tiếp tục làm việc với ngân hàng để gia hạn, tái cơ cấu lại các khoản vay của Công ty.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giá định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.3. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phân ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

*Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính **

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với các quy định hiện hành. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

Năm 2023

- | | |
|----------------------------------|------------|
| • Nhà cửa vật kiến trúc | 5 - 50 năm |
| • Máy móc thiết bị | 3 - 10 năm |
| • Phương tiện vận tải truyền dẫn | 6 - 10 năm |
| • Thiết bị, dụng cụ quản lý | 3 - 28 năm |

3.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo thời gian sử dụng hữu ích.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Giá trị quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn thì không tính khấu hao.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.8. Thuê tài sản

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

3.9. Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

3.10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa,... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn doanh nghiệp không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ 03 năm;
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí mua bảo hiểm (bảo hiểm cháy, nổ, bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ phương tiện vận tải, bảo hiểm thân xe, bảo hiểm tài sản, ...) được phân bổ theo thời gian bảo hiểm trên hợp đồng.

3.11. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.12. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.13. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Chi phí phải trả của Công ty là chi phí vật tư, phí cầu và các chi phí khác của công trình.

Căn cứ ước tính của chi phí phải trả là giá bán ước tính dựa trên bảng báo giá.

3.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.15. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.17. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ là chi phí đi vay vốn.

3.18. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí nhân viên bán hàng, chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.19. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Đối với hoạt động đóng tàu mới đánh bắt xa bờ: không chịu thuế GTGT.
- Các hoạt động khác áp dụng mức thuế suất theo quy định.

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với các hàng hóa, dịch vụ đóng tàu, sửa chữa tàu khác chịu thuế 10% kể từ ngày 01/07/2023 đến ngày 31/12/2023 theo quy định tại Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30/06/2023 của Chính phủ.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.22. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Xem thêm mục 7

3.23. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tiền mặt	81.280.462	19.348.466
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.486.741.849	224.867.900
Cộng	1.568.022.311	244.216.366

4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Công ty Cổ phần AQUAFEED Cửu Long	91.086.800.435	91.086.800.435
Công ty Cổ phần Biển Tây	5.517.074.662	5.517.074.662
Chi nhánh Công ty Cổ phần Biển Tây	2.308.272.667	2.308.272.667
Công ty Cổ phần Xi Măng Hạ Long	1.158.480.208	1.158.480.208
Các khách hàng khác	2.541.040.696	1.507.360.499
Cộng	102.611.668.668	101.577.988.471

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

Địa chỉ: 244 Bui Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.3. Trả trước cho người bán**

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Công ty Cổ phần Kiểm Định Xây Dựng Cửu Long	33.750.000	-
Cộng	33.750.000	-

4.4. Phải thu khác

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ngắn hạn				
BHXH, BHYT, BHTN nộp thừa	1.584.980	-	541.139	-
Phải thu về thuế TNCN	9.477.246	-	14.813.589	-
Công ty TNHH Vượt Sóng	26.852.123	26.852.123	26.852.123	26.852.123
Công ty Cổ phần AQUAFEED Cửu Long	18.423.790.410	18.423.790.410	18.423.790.410	18.423.790.410
Công ty Cổ phần Biển Tây	161.778.729	161.778.729	161.778.729	161.778.729
Chi nhánh Công ty Cổ phần Biển Tây	214.040.695	214.040.695	214.040.695	214.040.695
Công ty Cổ phần Thiết bị máy Động Lực	70.501.000	70.501.000	70.501.000	70.501.000
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng An Pha	178.395.408	178.395.408	178.395.408	178.395.408
Cộng	19.086.420.591	19.075.358.365	19.090.713.093	19.075.358.365
Dài hạn				
Kỳ cược, kỳ quỹ	9.000.000	-	9.000.000	-
Cộng	9.000.000	-	9.000.000	-

4.5. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu ngắn hạn quá hạn trích toán	119.727.744.906	-	119.773.780.206	-
Cộng	119.727.744.906	-	119.773.780.206	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2023			Tại ngày 01/01/2023		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Tài khoản 131 "Phải thu khách hàng"	100.679.238.664	-		100.698.421.841	-	
Công ty Cổ phần AQUAFEED Cửu Long	91.086.800.435	-	Trên 3 năm	91.086.800.435	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Biển Tây	5.517.074.662	-	Trên 3 năm	5.517.074.662	-	Trên 3 năm
Chi nhánh Công ty Cổ phần Biển Tây	2.308.272.667	-	Trên 3 năm	2.308.272.667	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	1.158.480.208	-	Trên 3 năm	1.158.480.208	-	Trên 3 năm
Các khách hàng khác	608.610.692	-	Trên 3 năm	627.793.889	-	Trên 3 năm
Tài khoản 138 "Phải thu khác"	19.048.506.242	-		19.075.358.365	-	
Công ty TNHH Vượt Sóng	-	-		26.852.123	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần AQUAFEED Cửu Long	18.423.790.410	-	Trên 3 năm	18.423.790.410	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Biển Tây	161.778.729	-	Trên 3 năm	161.778.729	-	Trên 3 năm
Chi nhánh Công ty Cổ phần Biển Tây	214.040.695	-	Trên 3 năm	214.040.695	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Thiết bị máy Đồng lực	70.501.000	-	Trên 3 năm	70.501.000	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng An Pha	178.395.408	-	Trên 3 năm	178.395.408	-	Trên 3 năm
Cộng	119.727.744.906	-		119.773.780.206	-	

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

Địa chỉ: 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.6. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	382.815.002	-	519.048.663	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	853.159.809	-	4.726.023.214	-
Hàng hóa	3.706.562.706	3.118.391.935	3.706.627.706	3.118.391.935
Cộng	4.942.537.517	3.118.391.935	8.951.699.583	3.118.391.935

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm là 3.706.562.706 VND.

Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản phải trả tại thời điểm cuối năm

4.7. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Ngắn hạn:		
Chi phí sửa chữa	-	-
Các khoản chi phí khác	29.363.636	-
Cộng	29.363.636	-
Dài hạn:		
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	44.209.764	38.364.275
Chi phí sửa chữa	93.987.369	168.407.805
Các khoản chi phí khác	15.029.445	18.387.971
Cộng	153.226.578	225.160.051

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P/tiện vận tải truyền dẫn VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2023	41.007.744.534	2.209.028.340	4.454.923.244	805.802.166	48.477.498.284
Mua sắm trong năm	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2023	41.007.744.534	2.209.028.340	4.454.923.244	805.802.166	48.477.498.284
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2023	37.404.539.802	2.205.903.407	4.454.923.244	805.802.166	44.871.168.619
Khấu hao trong năm	644.041.344	3.124.933	-	-	647.166.277
Tại ngày 31/12/2023	38.048.581.146	2.209.028.340	4.454.923.244	805.802.166	45.518.334.896
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2023	3.603.204.732	3.124.933	-	-	3.606.329.665
Tại ngày 31/12/2023	2.959.163.388	-	-	-	2.959.163.388

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 33.404.189.547 VND.

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 374.790.202 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2023	865.000.000	865.000.000
Mua trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2023	865.000.000	865.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2023	-	-
Khấu hao trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2023	-	-
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2023	865.000.000	865.000.000
Tại ngày 31/12/2023	865.000.000	865.000.000

Tổng giá trị quyền sử dụng đất tại 31/12/2023 là 865.000.000 VND là giá trị các Quyền sử dụng đất tại Trà Vinh không có giấy tờ chứng minh quyền sở hữu của Công ty. Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Trà Vinh đều đứng tên cá nhân chứ không phải tên Công ty.

Không có TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay tại thời điểm cuối năm

4.10. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	300.000.000	300.000.000
Cộng	-	-	300.000.000	300.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2023			Tại ngày 01/01/2023		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dư phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dư phòng
Đầu tư dài hạn khác						
Công ty Cổ phần AQUAFEED Cửu Long	7.203.840.000		7.203.840.000	7.203.840.000		7.203.840.000
Công ty Cổ phần Biển Tây (*)	4.835.000.000		213.742.707	4.835.000.000		213.742.707
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông 61	267.993.320		-	267.993.320		-
Công ty Cổ phần Thiết bị Máy Động Lực	445.000.000		445.000.000	445.000.000		445.000.000
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Biển Đông	50.000.000		50.000.000	50.000.000		50.000.000
Cộng	12.801.833.320		7.912.582.707	12.801.833.320		7.912.582.707

(*) Công ty chưa nhận được báo cáo tài chính năm nay, theo thông tin tra cứu trên mạng Tổng Cục Thuế thì hiện tại công ty này đã đóng cửa, ngưng hoạt động.

Cho đến thời điểm này Công ty chưa nhận được báo cáo tài chính năm 2023 của các đơn vị nhận đầu tư và các đơn vị này cũng chưa giao dịch trên các sàn giao dịch chứng khoán

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

Địa chỉ: 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Dịch vụ Máy & Động cơ Đồng Dương	2.258.112.602	2.258.112.602	2.258.112.602	2.258.112.602
Ban điều hành dự án Xi măng Hạ Long	761.196.141	761.196.141	761.196.141	761.196.141
Phải trả các đối tượng khác	436.443.131	436.443.131	1.296.182.950	1.296.182.950
Cộng	3.455.751.874	3.455.751.874	4.315.491.693	4.315.491.693

4.12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Hàng hải Hải Phúc	-	1.208.187.328
Công ty Cổ phần Bê tông IBS	649.999.999	649.999.999
Các khách hàng khác	64.225.200	140.565.526
Cộng	714.225.199	1.998.752.853



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.13. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/ khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	124.507.136	2.451.703.283	2.659.807.519	-	332.611.372
Thuế thu nhập cá nhân	-	11.577.246	118.556.328	166.348.671	-	59.369.589
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	698.476.328	698.476.328	-	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	449.724.280	3.951.882.299	3.487.963.319	14.194.700	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	-	1.284.284.990	7.223.618.238	6.317.119.509	14.194.700	391.980.961

4.14. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2023 VND
	Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	16.400.000.000	-	4.800.000.000	21.200.000.000
Cộng	16.400.000.000	-	4.800.000.000	21.200.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

Địa chỉ: 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	VND		VND	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
Vay	16.400.000.000	58.394.722.400	21.200.000.000	63.513.994.593
Cộng	16.400.000.000	58.394.722.400	21.200.000.000	63.513.994.593

Khoản vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh:

Số hợp đồng	1700-LAV-200303133
Ngày hợp đồng	01/07/2011
Hợp đồng sửa đổi, bổ sung	25/09/2014 (Kéo dài thời gian thanh toán đến 25/09/2017)
Hạn mức vay	72.000.000.000 VND
Số dư nợ đến 31/12/2023	16.400.000.000 VND
Lãi suất	Theo từng giấy nhận nợ
Mục đích vay	Bổ sung vốn lưu động, mua nguyên vật liệu, chi lương và các chi phí sản xuất, chi phí tài chính. Thanh toán L/C đến hạn và nhận nợ vay bắt buộc đối với chiết khấu chứng từ nếu nước ngoài từ chối nhận thanh toán, bảo lãnh.
Tài sản đảm bảo	Các lợi ích thu được từ việc khai thác và sử dụng nhà kho, nhà xưởng, bến tàu, ... tọa lạc tại số 10F đường Bùi Văn Ba, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

4.15. Phải trả khác

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	-	23.005.080
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.742.480.000	1.775.840.000
Phải trả cổ tức cho cổ đông	25.179.450	25.179.450
Công ty TNHH Mua bán Nơ Việt Nam	12.580.000.000	12.940.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh (Lãi vay)	31.817.877.114	32.917.877.114
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Lãi vay)	26.576.845.286	30.596.117.479
Cộng	72.742.381.850	78.278.019.123
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	524.100.000	524.100.000
Cộng	524.100.000	524.100.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.16. Vốn chủ sở hữu****4.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Các khoản mục thuộc Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2022	42.000.000.000	559.410.000	(1.353.000.000)	4.162.286.263	(140.720.232.682)	(95.351.536.419)
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	5.229.331.190	5.229.331.190
Tại ngày 01/01/2023	42.000.000.000	559.410.000	(1.353.000.000)	4.162.286.263	(135.490.901.492)	(90.122.205.229)
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	8.928.069.777	8.928.069.777
Tại ngày 31/12/2023	42.000.000.000	559.410.000	(1.353.000.000)	4.162.286.263	(126.562.831.715)	(81.194.135.452)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

Địa chỉ: 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.16.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần	19.470.000.000	19.470.000.000
Ông Quách Tấn Hải	4.380.000.000	4.380.000.000
Các cổ đông khác	16.797.000.000	16.797.000.000
Cổ phiếu quỹ	1.353.000.000	1.353.000.000
Cộng	42.000.000.000	42.000.000.000

4.16.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn góp đầu năm	42.000.000.000	42.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	42.000.000.000	42.000.000.000

4.16.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	4.200.000	4.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.200.000	4.200.000
Cổ phiếu phổ thông	4.200.000	4.200.000
Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là VCSH)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (Cổ phiếu quỹ)	135.300	135.300
Cổ phiếu phổ thông	135.300	135.300
Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là VCSH)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.064.700	4.064.700
Cổ phiếu phổ thông	4.064.700	4.064.700
Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là VCSH)	-	-

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

Địa chỉ: 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.16.5.Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	8.928.069.777	5.229.331.190
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.928.069.777	5.229.331.190
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	4.064.700	4.064.700
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.196	1.287

4.16.6.Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	8.928.069.777	5.229.331.190
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lãi sau thuế để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	8.928.069.777	5.229.331.190
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	4.064.700	4.064.700
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.064.700	4.064.700
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.196	1.287

4.16.7.Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2023	4.162.286.263
Trích trong năm	-
Chi trong năm	-
Tại ngày 31/12/2023	4.162.286.263

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

Địa chỉ: 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ cảng	14.537.807.503	14.771.832.176
Doanh thu đóng, sửa chữa thuyền xi nghiệp đóng tàu	12.516.303.750	9.489.341.500
Cộng	27.054.111.253	24.261.173.676
Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan - Xem thêm mục 8	36.000.000	36.000.000

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ cảng đã cung cấp	6.642.144.632	5.416.143.287
Giá vốn đóng, sửa chữa thuyền xi nghiệp đóng tàu	9.073.896.989	6.478.387.463
Cộng	15.716.041.621	11.894.530.750

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi	22.289.500	22.248.497
Cộng	22.289.500	22.248.497

5.4. Chi phí tài chính

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.484.646.832	1.956.943.990
Cộng	1.484.646.832	1.956.943.990

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

Địa chỉ: 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.5. Chi phí bán hàng**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên	2.251.308.165	2.163.805.224
Chi phí dịch vụ mua ngoài	56.215.000	15.185.000
Chi phí bằng tiền khác	369.327.409	403.750.237
Cộng	2.676.850.574	2.582.740.461

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.132.030.832	1.836.620.505
Chi phí công cụ dụng cụ văn phòng	34.174.186	52.958.613
Chi phí khấu hao tài sản cố định	80.661.012	80.661.012
Chi phí dự phòng/dự phòng nợ phải thu khó đòi	(46.035.300)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	326.784.691	239.353.384
Chi phí bằng tiền khác	546.927.425	801.385.881
Cộng	3.074.542.846	3.010.979.395

5.7. Thu nhập khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	-
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	-
Điều chỉnh giảm chi phí lãi vay từ năm 2019 - 2023 (*)	5.503.919.025	-
Thu nhập khác	1.769.003	463.918.977
Cộng	5.505.688.028	463.918.977

(*) Theo biên bản đối chiếu gốc vay và lãi vay với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, số lãi vay công ty còn nợ Ngân hàng thấp hơn số tại Công ty theo đối số tiền 5.503.919.025 VND. Công ty đã ghi nhận điều chỉnh giảm khoản lãi vay này vào thu nhập trong năm 2023.

5.8. Chi phí khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Các khoản phạt thuế	-	72.815.364
Phạt phòng cháy chữa cháy	3.460.000	-
Các khoản khác	803	-
Cộng	3.460.803	72.815.364

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

Địa chỉ: 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	9.626.546.105	5.229.331.190
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	1.740.106.832	2.281.759.354
- Thu lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	252.000.000	252.000.000
- Chi phí lãi vay không hợp lý, hợp lệ	1.484.646.832	1.956.943.990
- Chi phí không hợp lý hợp lệ khác	3.460.000	72.815.364
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	6.603.919.025	-
- Chi phí lãi vay được giảm đã loại trừ chi phí tính thuế * các năm trước	5.503.919.025	-
- Chi phí lãi vay năm trước đã thanh toán	1.100.000.000	-
Trừ: Lỗ năm trước chuyển sang	1.270.352.274	7.511.090.544
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	3.492.381.638	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	698.476.328	-

5.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.937.230.557	2.695.405.464
Chi phí nhân công	6.244.697.437	5.899.843.116
Chi phí khấu hao tài sản cố định	647.166.277	672.937.596
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.657.261.197	6.198.114.632
Chi phí khác bằng tiền	5.154.251.468	5.327.387.489
Cộng	17.640.606.936	20.793.688.297

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**6.1. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	4.800.000.000	6.253.400.000
Cộng	4.800.000.000	6.253.400.000

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Căn cứ vào thực tế hoạt động của Công ty, Tổng Giám đốc phân chia các hoạt động của Công ty thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Lĩnh vực Dịch vụ Cảng
- Lĩnh vực đóng tàu, sửa chữa tàu và dịch vụ khác

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Dịch vụ cảng		Dịch vụ đóng tàu, sửa chữa tàu, khác		Tổng cộng	
	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu						
Từ khách hàng bên ngoài	14.537.807.503	14.771.832.176	12.516.303.750	9.489.341.500	27.054.111.253	24.261.173.676
Cộng	14.537.807.503	14.771.832.176	12.516.303.750	9.489.341.500	27.054.111.253	24.261.173.676
Chi phí kinh doanh						
Giá vốn hàng bán	6.642.144.632	5.416.143.287	9.073.896.989	6.478.387.463	15.716.041.621	11.894.530.750
Chi phí bán hàng	1.438.433.442	1.572.545.877	1.238.417.132	1.010.194.584	2.676.850.574	2.582.740.461
Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.652.137.512	1.833.286.506	1.422.405.334	1.177.692.889	3.074.542.846	3.010.979.395
Cộng	9.732.715.586	8.821.975.670	11.734.719.455	8.666.274.936	21.467.435.041	17.488.250.606
Kết quả hoạt động kinh doanh	4.805.091.917	5.949.856.506	781.584.295	823.066.564	5.586.676.212	6.772.923.070
Doanh thu hoạt động tài chính					22.289.500	22.248.497
Chi phí tài chính					1.484.646.832	1.956.943.990
Thu nhập thuần khác					5.502.227.225	391.103.613
Lợi nhuận trước thuế TNDN					9.626.546.105	5.229.331.190
Chi phí thuế TNDN hiện hành					698.476.328	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại					-	-
Lợi nhuận sau thuế					8.928.069.777	5.229.331.190

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thông tin khác

	Dịch vụ cảng		Dịch vụ đóng tàu, sửa chữa tàu, khác		Tổng cộng	
	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tài sản của bộ phận	7.684.933.980	10.278.518.324	6.616.332.481	6.602.862.077	14.301.266.461	16.881.380.401
Tổng tài sản					14.301.266.461	16.881.380.401
Nợ phải trả của bộ phận	51.315.445.459	65.150.970.446	44.179.956.454	41.852.615.184	95.495.401.913	107.003.585.630
Tổng nợ phải trả					95.495.401.913	107.003.585.630

	Dịch vụ cảng		Dịch vụ đóng tàu, sửa chữa tàu, khác		Tổng cộng	
	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí khấu hao	347.761.517	409.729.610	299.404.760	263.207.986	647.166.277	672.937.596

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty Cổ phần	Công ty đầu tư
2. Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Trong năm Công ty đã có những giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm 2023</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2022</u> <u>VND</u>
Cho thuê mặt bằng:		
Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần	36.000.000	36.000.000
Cộng- Xem thêm mục 5.1	36.000.000	36.000.000

Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Năm 2023</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2022</u> <u>VND</u>
Ông Trần Hữu Hạnh	Chủ tịch HĐQT (đã miễn nhiệm ngày 21/04/2023)	20.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Thành Trung	Chủ tịch HĐQT (đã bổ nhiệm ngày 21/04/2023)	52.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Tấn Dũng	Thành viên HĐQT	36.000.000	36.000.000
Ông Trương Tùng Hưng	Thành viên HĐQT	36.000.000	36.000.000
Ông Đỗ Trung Chuyên	Thành viên HĐQT	36.000.000	36.000.000
Ông Quách Tấn Hải	Thành viên HĐQT (đã bổ nhiệm ngày 21/04/2023)	24.000.000	-
Ông Võ Quốc Việt	Trưởng ban kiểm soát	36.000.000	36.000.000
Bà Huỳnh Văn Đặng Thị Lệ Hoa	Thành viên BKS	24.000.000	24.000.000
Bà Trần Thị Nguyệt Phụng	Thành viên BKS	24.000.000	24.000.000

Tiền lương thưởng, thu nhập khác của Tổng Giám đốc được hưởng trong năm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Năm 2023</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2022</u> <u>VND</u>
Ông Trương Tùng Hưng	Tổng Giám đốc	299.120.500	273.822.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

Địa chỉ: 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

9. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty là bên cho thuê

Công ty cho thuê mặt bằng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng cho thuê có kỳ hạn từ 1 đến 3 năm, với tiền cho thuê cố định mỗi kỳ.

	<u>Năm 2023</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2022</u> <u>VND</u>
Doanh thu cho thuê hoạt động ghi nhận trong năm	14.537.807.503	14.771.832.176
Cộng	<u>14.537.807.503</u>	<u>14.771.832.176</u>

Công ty là bên đi thuê

Công ty thuê đất phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo các Hợp đồng thuê đất số 6953/HĐ-TNMT-ĐKKĐ ngày 27/08/2008 (Diện tích: 20.731,4 m², địa chỉ: số 10F đường Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, thời hạn thuê: từ ngày 13/09/2004 đến hết ngày 31/12/2045) và Hợp đồng thuê đất số 1176/HĐ-TNMT-ĐKKĐ ngày 24/02/2009 (Diện tích: 14.604,9 m², địa chỉ: số 10F đường Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, thời hạn thuê: bao gồm phần diện tích 1.477,3 m² được thuê và sử dụng cho đến khi Nhà nước quy hoạch, phần diện tích 13.127,6 m² có thời hạn đến hết ngày 31/12/2021 và Công ty đang làm thủ tục gia hạn).

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Trương Tùng Hưng
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 03 năm 2024

Vũ Văn Công
Kế toán trưởng

Vũ Văn Công
Người lập

